

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG
CAPITAL TRADING PUBLIC**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public.
- Trụ sở chính: Số 705 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Thành phố Thủ Đức (Q 2), Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Lan Anh
- Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2021. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/08/2021 tại đường dẫn sau:
<http://www.minhkhangctp.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm tước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu VT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trần Thị Lan Anh

CPA - SaiGon

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021
kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Đoàn Giỏi, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.62 655 120 Hotline: 0966 981 027

Email: kiemtoansaigon.cn@gmail.com

MST: 0100832241-011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021
kèm theo
BÁO CÁO SOÁT XÉT

Được lập bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN SÀI GÒN

11 đường Đoàn Giỏi, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: 028 626 55 120 Hotline: 0966 981 027

Email: kiemtoansaigon.cn@gmail.com

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 03
Báo cáo soát xét	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public (Dưới đây gọi là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316 ngày 25 tháng 10 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, và thay đổi lần gần nhất là lần thứ 13 ngày 24 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 120.999.920.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 120.999.920.000 đồng; tương đương 12.099.992 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động cho thuê tài chính (cho thuê kho hàng, nhà xưởng);
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào vào đâu (Bán buôn, bán lẻ phân bón);
- Bán buôn đồ uống;
- Đại lý (Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, đại lý ký gửi phân bón)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Buôn bán chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Bán buôn nguyên vật liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, gia cầm);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Bán buôn, bán lẻ hàng mỹ phẩm);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy; Bán buôn đồ dùng gia đình;
- Trồng trọt; Lập dự án đầu tư nông nghiệp, trồng trọt, chế biến nông lâm sản.
- Kinh doanh Bất động sản

Công ty có trụ sở tại: 705 đường Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Thành

Ông Lê Minh Tuấn

Ông Võ Trần Thanh Phương

Ông Đinh Văn Anh Tuấn

Ông Phạm Mai Anh Tài

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Anh Tuấn

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đăng Lê Trung

Ông Lê Hoàng Hiệp

Bà Lê Thị Bích Ngọc

Chức vụ

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là

Ông Đinh Văn Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Công ty Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2021 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Sài Gòn.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC



Tổng Giám đốc

Đình Văn Anh Tuấn

Số: 58/2021/BCSX-CPA-CNSG-CTP

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Sài Gòn đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public được lập ngày 12 tháng 08 năm 2021 và được trình bày từ trang 06 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN SÀI GÒN

Phó Giám đốc



The stamp is circular and red, containing the following text: "M.S.C.N: 010102241-011-C.T.T.M.H", "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI", "- CHI NHÁNH SÀI GÒN", and "THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH". A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Tông Trúc Phương

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3193-2020-016-1

(Giấy uỷ quyền số 311220/UQ-CPA SG ngày 31/12/2020)

CPA - SaiGon

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

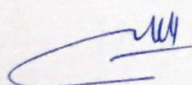
TT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.332.630.001	110.236.115.794
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.707.994.286	566.046.969
1	Tiền	111		14.707.994.286	566.046.969
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.111.087.426	80.104.698.797
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	94.405.019.377	35.257.109.653
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	206.068.049	8.847.589.144
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	30.500.000.000	36.000.000.000
IV	Hàng tồn kho	140		30.497.842.122	29.545.122.085
1	Hàng tồn kho	141	V.5	30.497.842.122	29.545.122.085
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		15.706.167	20.247.943
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.967.958	15.509.734
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.10a	4.738.209	4.738.209
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.305.517.613	111.305.517.613
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		108.283.461.500	108.283.461.500
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	108.283.461.500	108.283.461.500
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		3.022.056.113	3.022.056.113
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.022.056.113	3.022.056.113
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		281.638.147.614	221.541.633.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

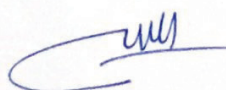
TT	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		131.843.163.940	72.374.690.267
I	Nợ ngắn hạn	310		131.843.163.940	72.374.690.267
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	127.126.947.837	67.931.764.306
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	100.000.000	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10a	169.178.606	12.168.472
4	Phải trả người lao động	314	V.11	9.006.600	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.125.312	2.125.312
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	7.273.408	-
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	4.428.632.177	4.428.632.177
II	Nợ dài hạn	330		-	-
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	149.794.983.674	149.166.943.140
I	Vốn chủ sở hữu	410		149.794.983.674	149.166.943.140
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.999.920.000	120.999.920.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.999.920.000	120.999.920.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.428.632.177	4.428.632.177
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.366.431.497	23.738.390.963
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.738.390.963	23.689.717.080
	- LNST chưa phân phối năm nay	421b		628.040.534	48.673.883
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		281.638.147.614	221.541.633.407

Người lập biểu



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng



Trần Thị Trinh

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Anh Tuấn

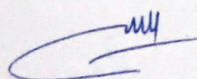
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VNĐ

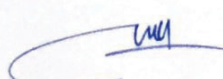
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63.201.041.885	63.789.727.000
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.201.041.885	63.789.727.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	62.124.864.091	62.944.034.529
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.076.177.794	845.692.471
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.755	432.804
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay			-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	283.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	290.380.392	303.510.453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		785.810.157	542.331.022
11. Thu nhập khác	31		-	280.000
12. Chi phí khác	32	VI.5	759.489	542.359.310
13. Lợi nhuận khác	40		(759.489)	(542.079.310)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		785.050.668	251.712
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		157.010.134	50.342
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.6	628.040.534	201.370
18. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70		52	0,02

Người lập biểu



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng



Trần Thị Trinh

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	785.050.668	251.712
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	-	1.211.044.764
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.755)	524.025.990
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	785.037.913	1.735.322.466
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(45.001.846.853)	8.348.123.769
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(952.720.037)	20.667.437.660
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	59.311.463.539	41.456.860.672
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	117.149.079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.141.934.562	72.324.893.646
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	(108.283.461.500)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	36.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.755	432.804
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.755	(71.783.028.696)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(909.782.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(909.782.640)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

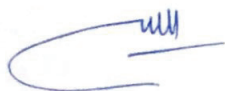
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

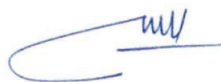
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ ngày	Từ ngày
		01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	14.141.947.317	(367.917.690)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	566.046.969	547.999.928
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.707.994.286	180.082.238

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thị Trinh

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Anh Tuấn

I. THÔNG TIN CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public (Dưới đây gọi là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316 ngày 25 tháng 10 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, và thay đổi lần gần nhất là lần thứ 13 ngày 24 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 120.999.920.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 120.999.920.000 đồng; tương đương 12.099.992 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)

Công ty có trụ sở tại: 705 đường Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động cho thuê tài chính (cho thuê kho hàng, nhà xưởng);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Bán buôn, bán lẻ phân bón);
- Bán buôn đồ uống;
- Đại lý (Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, đại lý ký gửi phân bón)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Buôn bán chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Bán buôn nguyên vật liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, gia cầm);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Bán buôn, bán lẻ hàng mỹ phẩm);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy; Bán buôn đồ dùng gia đình;
- Trồng trọt; Lập dự án đầu tư nông nghiệp, trồng trọt, chế biến nông lâm sản.
- Kinh doanh Bất động sản

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: trên 12 tháng

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán: kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm
2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty sử dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21/07/2016 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các nguyên tắc kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm: Giá trị hàng tồn kho cuối năm = Giá trị hàng tồn đầu năm + Giá trị hàng nhập trong năm - Giá trị hàng xuất trong năm. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian KH</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	02 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	02 - 06 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình	03 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được phân bổ tối đa không quá 3 năm.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều năm kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều năm kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm kế toán.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.

Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong năm không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng năm không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền khách hàng đã trả theo từng đợt thanh toán của hợp đồng mua bán bất động sản.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:

+ Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.

+ Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ.
- Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong năm. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm này nhỏ hơn số phải lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm này nhỏ hơn số phải lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời điểm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Tiền mặt	14.674.421.077	559.910.077
- Tiền gửi ngân hàng (*)	33.573.209	6.136.892
Cộng	<u>14.707.994.286</u>	<u>566.046.969</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Tiền gửi (VND)	33.573.209	6.136.892
+ Tiền VNĐ tại NH Viettinbank - Hoàng Mai	-	152.245
+ Tiền VNĐ tại Ngân hàng Vietcombank	33.573.209	5.984.647
Cộng	<u>33.573.209</u>	<u>6.136.892</u>

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ Phần Thương Mại Kiến Đức	13.834.474.692	6.413.785.325
Công ty CP TMXD và Đầu tư Thiên Trường Phú	24.814.593.135	8.710.939.460
Công ty TNHH Cơ Phát Tiến	5.745.878.054	9.897.878.054
Công ty TNHH Đầu Tư Vạn Phát Tiến	20.949.310.529	1.962.138.000
Công ty TNHH TMXD Hồng Nguyên	3.343.201.375	3.350.201.375
Công ty TNHH TMXD Kiều Thủy	16.390.469.633	4.102.699.439
Công ty TNHH TMXD Mekong 78	6.790.054.505	-
Đối tượng khác	2.537.037.454	819.468.000
Cộng	94.405.019.377	35.257.109.653

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ứng trước tiền mua nông sản cho người nông dân	-	8.643.211.000
Đối tượng khác	206.068.049	204.378.144
Cộng	206.068.049	8.847.589.144

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đình Văn Anh Tuấn	14.000.000.000	11.000.000.000
Lê Minh Tuấn	8.500.000.000	8.500.000.000
Phạm Mai Anh Tài	8.000.000.000	8.000.000.000
Võ Trần Thanh Phương	-	8.500.000.000
Cộng	30.500.000.000	36.000.000.000

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Hàng hoá	30.497.842.122	29.545.122.085
Cộng	30.497.842.122	29.545.122.085

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quyền sử dụng đất (*)	108.283.461.500	108.283.461.500
Cộng	108.283.461.500	108.283.461.500

(*) Theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất tại tờ bản đồ số C2, ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang: thửa đất số 271, 272, 436, 437, 438, 439.

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí thuê đất	3.009.733.752	3.009.733.752
Chi phí công cụ dụng cụ	4.166.667	4.166.667
Chi phí sửa chữa nhà máy	8.155.694	8.155.694
Cộng	3.022.056.113	3.022.056.113

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hoa Thép	11.413.116.651	14.799.238.311
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Lâm Gia Phát	10.740.702.511	10.740.702.511
Công ty CP thực phẩm sạch NesViet	-	6.540.287.350
Công ty TNHH SX TM & DV Phạm Hùng	21.288.265.698	5.970.063.718
Công ty TNHH Vật liệu Kỹ Nguyên Mới	29.695.208.594	15.428.682.679
Công ty Cổ phần Gamaworld	22.266.894.979	2.175.481.639
Công ty CP Thế giới vật liệu xây dựng Mingstores	5.005.674.680	5.005.674.680
Công ty TNHH TMDV Đức Hậu	16.465.913.592	2.575.905.068
Công ty TNHH Bát Bình	4.159.228.350	4.159.228.350
Công ty TNHH TMDV Hồng Nguyên	5.409.192.782	-
Đối tượng khác	682.750.000	536.500.000
Cộng	127.126.947.837	67.931.764.306

9. Trả tiền trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyễn Lê Việt Hùng	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	-

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.738.209	-	-	3.738.209
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	1.000.000	-	-	1.000.000
Cộng	4.738.209	-	-	4.738.209

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
Thuế GTGT	-	6.320.104.189	6.320.104.189	-
Thuế TNDN	169.178.606	157.010.134	-	12.168.472
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	169.178.606	6.480.114.323	6.323.104.189	12.168.472

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

11. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền lương phải trả người lao động	9.006.600	-
Cộng	9.006.600	-

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lãi vay phải trả	2.125.312	2.125.312
Cộng	2.125.312	2.125.312

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Bảo hiểm xã hội	5.795.997	-
Bảo hiểm y tế	1.022.823	-
Bảo hiểm thất nghiệp	454.588	-
Cộng	7.273.408	-

14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lãi vay phải trả	4.428.632.177	4.428.632.177
Cộng	4.428.632.177	4.428.632.177

15. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động nguồn Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ trước	120.999.920.000	-	4.428.632.177	23.689.717.080	149.118.269.257
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	48.673.883	48.673.883
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn kỳ trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ này	120.999.920.000	-	4.428.632.177	23.738.390.963	149.166.943.140
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	628.040.534	628.040.534
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	120.999.920.000	-	4.428.632.177	24.366.431.498	149.794.983.675

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Vốn góp của các cổ đông	120.999.920.000	100,00%	120.999.920.000	100,00%
- Các cổ đông	120.999.920.000	100,00%	120.999.920.000	100,00%
Cộng	120.999.920.000	100,00%	120.999.920.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.999.920.000	120.999.920.000
- Vốn góp đầu năm	120.999.920.000	120.999.920.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	120.999.920.000	120.999.920.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.099.992	12.099.992
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.099.992	12.099.992
- Cổ phiếu phổ thông	12.099.992	12.099.992
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.099.992	12.099.992
- Cổ phiếu phổ thông	12.099.992	12.099.992
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	4.428.632.177	4.428.632.177
Cộng	4.428.632.177	4.428.632.177

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	63.201.041.885	63.789.727.000
Cộng	63.201.041.885	63.789.727.000

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	62.124.864.091	62.944.034.529
Cộng	62.124.864.091	62.944.034.529

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.755	432.804
Cộng	12.755	432.804

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	80.434.132	-
Thuế, phí và lệ phí	207.746.260	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	300.488.453
Chi phí bằng tiền khác	2.200.000	22.000
Cộng	290.380.392	303.510.453

5. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chênh lệch thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	524.458.794
Tiền phạt lãi vay	-	17.298.575
Chi phí khác	759.489	601.941
Cộng	759.489	542.359.310

6. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm (1)	785.050.668	251.712
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (2)=(3)-(4)	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng (3)	-	-
- Tăng do chi phí không được trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (4)	-	-
- Giảm do cổ tức nhận được từ đầu tư	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm (5)=(1)+(2)	785.050.668	251.712
Kết chuyển lỗ các năm trước (6)	-	-
Thu nhập tính thuế (7) = (5)-(6)	785.050.668	251.712
Thuế suất thuế TNDN (8)	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành trong năm (9)=(7)*(8)	157.010.134	50.342
Lợi nhuận sau thuế TNDN (10)=(1)-(9)	628.040.534	201.370

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	628.040.534	201.370
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP	628.040.534	201.370
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ LNST	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành trong năm	12.099.992	12.099.992
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	52	0,02

VI. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14.707.994.286	566.046.969
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	30.500.000.000	36.000.000.000

3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tài chính tại 30/06/2021	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	127.126.947.837	-	127.126.947.837
Các khoản phải trả khác	9.398.720	-	9.398.720
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-

4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ tài chính tiếp theo.

2. Thông tin so sánh

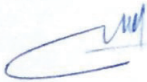
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CN Sài Gòn. Số liệu so sánh trên Bảng kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ là số liệu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 trên Báo cáo soát xét giữa niên độ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CN Sài Gòn.

3. Những thông tin khác

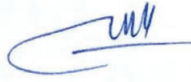
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thị Trinh

Tổng Giám đốc



Đình Văn Anh Tuấn



CPA - SaiGon

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN SÀI GÒN

Địa chỉ: 58 Đoàn Giỏi, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.62 655 120 Hotline: 0966 981 027 MST: 0100832241-011

Email: kiemtoansaigon.cn@gmail.com

Số: 1208-2021/CV-CTP

(V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2021)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021.

Kính gửi:

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC.**
- Địa chỉ: **705 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Tp Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.**
- Mã chứng khoán: **CTP**

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public (CTP) xin gửi công văn giải trình đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin giải trình chênh lệch số liệu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2021.

Nguyên nhân chênh lệch:

Mặc dù tình hình dịch covid 19 bùng phát diện rộng và trong suốt năm 2020 đến hết quý 2/2021, hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng đặc biệt là DN có địa bàn hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Mặc dù tình hình chung khó khăn nhưng Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public đã có những kết quả theo kế hoạch đề ra. Có được kết quả đó là Công ty nhận được ủng hộ và hỗ trợ các đối tác chiến lược, cũng như sự linh hoạt chỉ đạo của Ban Lãnh đạo triển khai hoạt động kinh doanh cho phù hợp và đem lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.

Chính vì vậy có sự chênh lệch như trên tại thời điểm 06 tháng đầu năm 2021 so với 06 tháng đầu năm 2021.

Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐINH VĂN ANH TUẤN